

## THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VỀ XHTD TRẺ EM Ở HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THUỘC THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC NĂM HỌC 2022-2023

Trịnh Thị Luyến<sup>1</sup>, Đào Ngọc Anh<sup>1</sup>, Triệu Văn Tuyển<sup>1</sup>, Nguyễn Anh Hiểu<sup>1</sup>, Đào Thị Nguyên Hương<sup>1</sup>, Vũ Đình Sơn<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thu Phương<sup>1</sup>, Phạm Thị Duyên<sup>1</sup>, Thân Văn Lý<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Lộc<sup>1</sup>, Phạm Thị Sáng<sup>1</sup>, Đặng Thị Ngọc Anh<sup>1</sup>, Trương Kiều Phương<sup>1</sup>, Lê Minh Hằng<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang, điều tra thông tin, số liệu từ 1706 học sinh. Nghiên cứu đã xử dụng các thang đo đạt độ tin cậy, các biến quan sát đều có ý nghĩa giải thích tốt cho thực trạng kiến thức về XHTD trẻ em. Kết quả nghiên cứu: Học sinh có nhận thức tốt về phòng chống XHTD trẻ em, bên cạnh đó có một số nội dung chưa được nhận thức đúng: có 73% cho rằng "Cho trẻ em xem tranh/ảnh/phim/nhạc đồi trụy" và 36% cho rằng việc "nắm tay trẻ lâu hơn mức cần thiết khiến trẻ cảm thấy không thoải mái", 22.6% cho rằng "Nhìn chăm chăm vào vùng riêng tư của trẻ", 24% cho rằng "Nói những lời thô tục, có ý gợi dục với trẻ" không được coi là XHTD; 63.6% cho rằng thủ phạm XHTD trẻ em hầu hết là người lạ, 29.1% cho rằng người có học thức cao không bao giờ xâm hại trẻ em, 41.7% cho rằng trẻ em khuyết tật ít bị XHTD hơn trẻ bình thường, 54.5% cho rằng đối tượng XHTD trẻ em là các trẻ em nữ, 16.3% cho rằng chỉ những trẻ em đã dậy thì mới là đối tượng bị XHTD, một nội dung rất đáng lo ngại là có đến 81.3% học sinh cho rằng mạng Internet không mang đến những rủi ro bị XHTD; Học sinh có nhận thức chưa tốt về dấu hiệu nhận biết trẻ có nguy cơ hoặc bị. Khuyến nghị: tiếp tục nghiên cứu để đánh giá đầy đủ hơn về thực trạng kiến thức của học sinh về phòng chống XHTD trẻ em các trường THCS. Nghiên cứu để có các mô hình, biện pháp phù hợp nâng cao nhận thức của học sinh về XHTD trẻ em, đổi mới, cập nhật tài liệu tuyên truyền, trong đó lưu ý những nội dung có nhiều học sinh nhận thức chưa đúng Cần xây dựng những chuyên đề tập trung vào giáo dục cho học sinh về XHTD trẻ em để đạt được hiệu quả trong giáo dục phòng chống XHTD trẻ em.

**Từ khóa:** Xâm hại tình dục, xâm hại tình dục trẻ em, xâm hại trẻ em.

### SUMMARY

#### CURRENT STATUS OF KNOWLEDGE ABOUT CHILD SEXUAL ABUSE AMONG STUDENTS OF SECONDARY SCHOOLS IN VINH YEN

<sup>1</sup>Trường Cao đẳng Vinh Phúc

Chịu trách nhiệm chính: Trịnh Thị Luyến

Email: luyenvp@gmail.com

Ngày nhận bài: 6.7.2023

Ngày phản biện khoa học: 21.8.2023

Ngày duyệt bài: 12.9.2023

### CITY, VINH PHUC PROVINCE IN THE SCHOOL YEAR 2022-2023

The study used cross-sectional descriptive method, investigated information and data from 1706 students. The study used reliable scales, all observed variables have good explanations for the current state of knowledge about children's sexual relations. Research results: Students have a good awareness of the prevention of child sexual violence, besides there are some content that are not properly understood: 73% said that "Show children pictures/photographs/movies/music. bad" and 36% said that "holding hands with children longer than necessary makes them uncomfortable", 22.6% said "Staring into children's private areas", 24% said "Saying words vulgar, sexually suggestive with children" is not considered sexual intercourse; 63.6% believe that the perpetrators of child sexual abuse are mostly strangers, 29.1% think that highly educated people never abuse children, 41.7% think that children with disabilities are less likely to suffer from sexual violence than normal children, 54.5% said that the object of sexual violence against children is female children, 16.3% think that only children who have reached puberty are subject to sexual violence, a very worrying content that up to 81.3% of students think that the Internet is not bring the risks of STDs; Students have poor awareness of signs to identify children at risk or suffering. Recommendation: continue to research to more fully assess the status of students' knowledge about prevention of child sexual abuse in secondary schools. Research to have appropriate models and measures to raise students' awareness of child credit society, renew and update propaganda materials, in which it is important to note the content that many students are not aware of. develop topics focusing on educating students on child sexual abuse to achieve effective results in child sexual abuse prevention education.

**Keywords:** Sexual abuse, child sexual abuse, child abuse, violence and child abuse

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xâm hại tình dục (XHTD) trẻ vị thành niên đang là vấn đề nhức nhối trong toàn ngành giáo dục. Trong những năm gần đây nhiều vụ việc XHTD trẻ em được phát hiện, gây nên những lo ngại về sự đa dạng và mức độ nguy hiểm của các hành vi này ngày một phức tạp. Giáo dục

kiến thức về phòng chống XHTD cho học sinh là nội dung quan trọng góp phần phòng chống XHTD trẻ em. Thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc là một thành phố phát triển nhanh, mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực: về kinh tế, văn hoá và giáo dục,... Thành phố có 10 trường Trung học cơ sở (THCS), những năm gần đây ngành giáo dục thành phố luôn quan tâm đến giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá kiến thức của học sinh THCS thành phố Vinh Yên về phòng chống XHTD. Để có thêm cơ sở khoa học nâng cao hiệu quả công tác công tác giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh THCS, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: "*Thực trạng kiến thức về XHTD trẻ em của học sinh các trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc năm học 2022-2023*".

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, phương pháp nghiên cứu định lượng, tiến hành từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023. Thu thập số liệu từ 1706 học sinh của 9 trường THCS thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Thu thập số liệu qua việc tiếp cận, phát vấn bằng bộ câu hỏi thiết kế sẵn. Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Nghiên cứu này là một phần trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh "Nghiên cứu xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực, XHTD học đường nhằm nâng cao kiến thức cho học sinh THCS trên địa bàn thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc" do tác giả và cộng sự thực hiện và đã được thông qua theo các quy định hiện hành.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**3.1. Thông tin chung về đối tượng tham gia nghiên cứu**

**Bảng 1: Thông tin chung về học sinh tham gia nghiên cứu**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Giới tính</b>			
Nữ	929	54.5	
Nam	777	45.5	
<b>Trường đang học</b>			
THCS Vinh Yên	246	14.4	
THCS Liên Bảo	240	14.1	
THCS Định Trung	132	7.7	
THCS Tô Hiệu	106	6.2	
THCS Tích Sơn	168	9.8	
THCS Hội Hợp	93	5.5	
THCS Khai Quang	291	17.1	
THCS Thanh Trù	114	6.7	
THCS Đồng Tâm	316	18.5	

<b>Đang theo học lớp</b>			
Lớp 6	431	25.3	
Lớp 7	434	25.4	
Lớp 8	461	27.0	
Lớp 9	380	22.3	

Tổng số có 1706 học sinh của 9/10 trường THCS của thành phố đã tham gia nghiên cứu, học sinh phân bố ở tất các các khối lớp lớp 6 (25.3%), lớp 7 (25.4%), lớp 8 (27%), lớp 9 (22.3%). Như vậy có thể thấy nghiên cứu đã nhận được sự quan tâm ủng hộ nhiệt tình của lãnh đạo và giáo viên, và các em học sinh các trường THCS trên địa bàn thành phố Vinh yên.

**3.2. Thực trạng kiến thức về XHTD của học sinh**

**3.2.1. Kiến thức của học sinh về các hành vi XHTD.** Nghiên cứu sử dụng thang đo bao gồm 10 câu hỏi về kiến thức nhận diện các hành vi XHTD. Kết quả kiểm định thang đo: Cronbach's Alpha trung bình của toàn thang đo là 0.959, các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến – tổng lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo đạt độ tin cậy, các biến quan sát đều có ý nghĩa giải thích tốt cho thực trạng kiến thức về các hành vi XHTD.

**Bảng 2. Kiến thức của học sinh về các hành vi XHTD**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>1. Dụ dỗ, ép buộc trẻ em quan hệ tình dục</b>			
Đúng	1443	84.6	
Sai	263	15.4	
<b>2. Dụ dỗ, ép buộc trẻ em hôn/sờ chạm vào vùng riêng tư</b>			
Đúng	1425	83.5	
Sai	281	16.5	
<b>3. Hôn/sờ, chạm vào vùng riêng tư của trẻ em</b>			
Đúng	1438	84.3	
Sai	268	15.7	
<b>4. Dụ dỗ, ép buộc trẻ em xem ảnh của người đó khoả thân</b>			
Đúng	1322	77.5	
Sai	384	22.5	
<b>5. Quay phim, chụp ảnh khi trẻ em khoả thân</b>			
Đúng	1366	80.1	
Sai	340	19.9	
<b>6. Dụ dỗ/ép buộc trẻ em khoả thân</b>			
Đúng	1398	81.9	
Sai	308	18.1	
<b>7. Cho trẻ em xem tranh/ảnh/phim/nhạc đồi trụy</b>			
Đúng	460	27.0	
Sai	1246	73.0	

<b>8. Nằm tay trẻ em lâu hơn mức cần thiết khiến trẻ cảm thấy không thoải mái</b>			
Đúng	1091	64.0	
Sai	615	36.0	
<b>9. Nhìn chăm chăm vào vùng riêng tư của trẻ</b>			
Đúng	2321	77.4	
Sai	385	22.6	
<b>10. Nói những lời thô tục, có ý gợi dục với trẻ</b>			
Đúng	1296	76.0	
Sai	410	24.0	

Đa số học sinh đã nhận diện được các hành vi XHTD, bên cạnh đó có một số hành vi chưa được nhận thức đúng: có 73% cho rằng "Cho trẻ em xem tranh/ảnh/phim/nhạc đồi trụy" và 36% cho rằng việc "nằm tay trẻ lâu hơn mức cần thiết khiến trẻ cảm thấy không thoải mái" không coi là hành vi XHTD; 22.6% cho rằng "Nhìn chăm chăm vào vùng riêng tư của trẻ" không coi là hành vi XHTD, và 24% cho rằng "Nói những lời thô tục, có ý gợi dục với trẻ" không được coi là XHTD. Nghiên cứu này cho kết quả kiến thức của học sinh các trường THCS của thành phố Vinh yên về các hành vi XHTD gần tương đồng với kết quả nghiên cứu về kiến thức, thái độ về XHTD của học sinh trường THCS Yên Hoà, Hà Nội năm 2008. Mặc dù đa số học sinh có kiến thức tốt về nhận diện các hành vi XHTD, tuy nhiên vẫn còn nhiều nội dung có tỉ lệ nhận thức sai cao. Vì vậy cần chú ý nêu bật những nội dung này trong các chương trình giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh.

**3.2.2. Kiến thức về nhận biết nguy cơ bị XHTD của học sinh.** Nghiên cứu sử dụng thang đo bao gồm 7 câu hỏi về kiến thức. Kết quả phân tích thang đo cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến – tổng lớn hơn 0.3; hệ số Cronbach's Alpha trung bình của toàn thang đo là 0.72. Như vậy thang đo đạt độ tin cậy, các biến quan sát đều có ý nghĩa giải thích tốt cho thực trạng kiến thức về nhận biết nguy cơ XHTD của học sinh

**Bảng 3. Kiến thức của học sinh về nhận biết nguy cơ bị XHTD**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>1. Thủ phạm XHTD trẻ em hầu hết là người lạ</b>			
Đúng	621	36.4	
Sai	1085	63.6	
<b>2. Người có học thức cao không bao giờ XHTD trẻ em</b>			
Đúng	1209	70.9	
Sai	497	29.1	
<b>3. Trẻ em không bao giờ là thủ phạm XHTD trẻ em</b>			

Đúng	1183	69.3	
Sai	523	30.7	
<b>4. Trẻ em khuyết tật ít bị XHTD hơn trẻ em bình thường</b>			
Đúng	994	58.3	
Sai	712	41.7	
<b>5. Đối tượng bị XHTD trẻ em là các trẻ em nữ</b>			
Đúng	777	45.5	
Sai	929	54.5	
<b>6. Chỉ những trẻ em đã dậy thì mới là đối tượng bị XHTD</b>			
Đúng	1428	83.7	
Sai	278	16.3	
<b>7. Mạng Internet mang cũng sẽ mang đến những rủi ro do bị XHTD cho trẻ em</b>			
Đúng	319	18.7	
Sai	1387	81.3	
<b>8. Giáo dục phòng chống XHTD chỉ nên thực hiện sau khi trẻ em dậy thì</b>			
Đúng	1399	82.0	
Sai	307	18.0	
<b>9. Khi có nguy cơ bị XHTD các em nên hét to: "Không" và bỏ chạy</b>			
Đúng	1426	83.6	
Sai	280	16.4	
<b>10. Khi có nguy cơ/bị XHTD các em cần chia sẻ với người thân/giáo viên/các trung tâm hỗ trợ/số điện thoại đường dây nóng</b>			
Đúng	1556	91.2	
Sai	150	8.8	

Nhiều nội dung nhận diện nguy cơ XHTD chưa được nhận thức đúng: có 63.6% cho rằng thủ phạm XHTD trẻ em hầu hết là người lạ, 29.1% cho rằng người có học thức cao không bao giờ xâm hại trẻ em, 41.7% cho rằng trẻ em khuyết tật ít bị XHTD hơn trẻ bình thường, 54.5% cho rằng đối tượng XHTD trẻ em là các trẻ em nữ, 16.3% cho rằng chỉ những trẻ em đã dậy thì mới là đối tượng bị XHTD, Một nội dung rất đáng lo ngại là có đến 81.3% cho rằng mạng Internet không mang đến những rủi ro do bị XHTD, và 18% cho rằng giáo dục phòng chống XHTD chỉ nên thực hiện sau khi trẻ em dậy thì. So với kết quả nghiên cứu về kiến thức, thái độ về XHTD của học sinh trường THCS Yên Hoà, Hà Nội năm 2008, kết quả nghiên cứu có nhiều nội dung học sinh có nhận thức tốt hơn, đồng thời có một số nội dung chưa nhận thức tốt. Trong nghiên cứu "Nhận thức của học sinh về XHTD trẻ em qua mạng và một số giải pháp phòng ngừa (nghiên cứu trường hợp tại một số trường THCS thành phố Hà Nội)" học sinh có nhận thức cao về các nguy cơ XHTD qua Internet, tuy nhiên trong nghiên cứu này có đến 81.3% học sinh cho rằng

mạng Internet không mang đến những rủi ro do bị XHTD.

Đây là nội dung quan trọng để phòng chống XHTD trẻ em, tuy nhiên mức độ nhận thức của học sinh về vấn đề này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy cần có những chuyên đề tập trung vào giáo dục cho học sinh về nhận diện các nguy cơ bị XHTD để đạt được hiệu quả trong giáo dục phòng chống XHTD.

**3.2.3. Kiến thức về những dấu hiệu nhận biết trẻ bị XHTD của học sinh.** Nghiên cứu sử dụng thang đo bao gồm 7 câu hỏi về kiến thức nhận biết trẻ bị XHTD. Kiểm định thang đo cho kết quả: Hệ số Cronbach's Alpha trung bình của toàn thang đo là 0.719; Các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến – tổng lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo đạt độ tin cậy, các biến quan sát đều có ý nghĩa giải thích tốt cho thực trạng kiến thức về nhận biết trẻ bị XHTD

**Bảng 4. Kiến thức của học sinh về dấu hiệu nhận biết trẻ có nguy cơ bị XHTD**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>1. Có các tổn thương ở bộ phận sinh dục (chảy máu, bầm tím, đau,...)</b>			
Đúng	1595	93.5	
Sai	111	6.5	
<b>2. Thường xuyên xuất hiện các vết bầm, tím bất thường ở những vị trí kín đáo/riêng tư của trẻ</b>			
Đúng	1593	93.4	
Sai	113	6.6	
<b>3. Có những biểu hiện bất thường khi người thân chạm vào cơ thể</b>			
Đúng	148	8.7	
Sai	1558	91.3	
<b>4. Thể hiện 1 số hành vi tình dục không phù hợp/ biết nhiều hơn về tình dục so với các bạn cùng tuổi/cùng lớp</b>			
Đúng	1308	76.7	
Sai	398	23.3	
<b>5. Bỏ học/ nghỉ học thường xuyên hoặc kết quả học tập sa sút</b>			
Đúng	1037	60,8	
Sai	669	39.2	
<b>6. Tâm lý thay đổi, khép kín hơn, thu mình, không muốn tiếp xúc</b>			
Đúng	1409	82.6	
Sai	297	17.4	
<b>7. Bị viêm nhiễm/ mắc các bệnh lây qua đường tình dục: lậu, giang mai</b>			
Đúng	1536	90.0	
Sai	170	10.0	

Đa số học sinh có hiểu biết tốt về các dấu hiệu nhận biết trẻ có nguy cơ bị XHTD, tuy nhiên

ở 1 số dấu hiệu nhiều học sinh chưa có nhận biết đúng: có 91,3% học sinh cho rằng trẻ số những biểu hiện bất thường khi người thân chạm vào cơ thể không phải dấu hiệu nhận biết trẻ bị XHTD; bên cạnh đó 23.3% cho rằng trẻ thể hiện 1 số hành vi tình dục không phù hợp hoặc biết nhiều hơn về tình dục so với các bạn cùng tuổi, cùng lớp; và 39.2% cho rằng nghỉ học thường xuyên hoặc kết quả học tập sa sút không phải là những dấu hiệu nhận biết trẻ có nguy cơ bị XHTD. Cần tăng cường giáo dục về các nội dung này giúp học sinh có khả năng nhận diện tốt hơn các dấu hiệu bị XHTD.

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu đã sử dụng các thang đo đo đạt độ tin cậy, các biến quan sát đều có ý nghĩa giải thích tốt cho thực trạng kiến thức về XHTD trẻ em của học sinh các trường thành phố Vĩnh Yên năm học 2022-2023. Cần có thêm các nghiên cứu để phát triển hàn thiện thang đo đảm bảo độ tin cậy và giải thích tốt hơn cho thực trạng kiến thức của học sinh về phòng chống XHTD trẻ em các trường THCS.

Học sinh đã nhận diện được các hành vi XHTD, bên cạnh đó có một số hành vi chưa được nhận thức đúng: có 73% học sinh cho rằng "Cho trẻ em xem tranh/ảnh/ phim/nhạc đồi trụy", 36% học sinh cho rằng việc "nắm tay trẻ lâu hơn mức cần thiết khiến trẻ cảm thấy không thoải mái", 22.6% học sinh cho rằng "Nhìn chăm chăm vào vùng riêng tư của trẻ", và 24% cho rằng "Nói những lời thô tục, có ý gợi dục với trẻ" không coi là hành vi XHTD.

Nhiều nội dung về nhận diện các nguy cơ XHTD, học sinh chưa có nhận thức đầy đủ: có 63.6% học sinh cho rằng thủ phạm XHTD trẻ em hầu hết là người lạ, 29.1% cho rằng người có học thức cao không bao giờ xâm hại trẻ em, 41.7% cho rằng trẻ em khuyết tật ít bị XHTD hơn trẻ bình thường, 54.5% cho rằng đối tượng XHTD trẻ em là các trẻ em nữ, 16.3% học sinh cho rằng chỉ những trẻ em đã dậy thì mới là đối tượng bị XHTD, Một nội dung rất đáng lo ngại là có đến 81.3% học sinh cho rằng mạng Internet không mang đến những rủi ro do bị XHTD.

Học sinh có hiểu biết tốt về các dấu hiệu nhận biết trẻ có nguy cơ bị XHTD, tuy nhiên ở 1 số dấu hiệu nhiều học sinh chưa có nhận biết đúng: có 91,3% học sinh cho rằng trẻ số những biểu hiện bất thường khi người thân chạm vào cơ thể không phải dấu hiệu nhận biết trẻ bị XHTD; bên cạnh đó 23.3% cho rằng trẻ thể hiện 1 số hành vi tình dục không phù hợp hoặc biết nhiều

hơn về tình dục so với các bạn cùng tuổi, cùng lớp; và 39.2% cho rằng nghỉ học thường xuyên hoặc kết quả học tập xa sút không phải là những dấu hiệu nhận biết trẻ có nguy cơ bị XHTD.

Cần tiếp tục nghiên cứu để đánh giá đầy đủ hơn về thực trạng kiến thức của học sinh về phòng chống XHTD trẻ em các trường THCS. Nghiên cứu để có các mô hình, biện pháp phù hợp nâng cao nhận thức của học sinh về XHTD trẻ em, đổi mới, cập nhật tài liệu tuyên truyền, trong đó lưu ý những nội dung có nhiều học sinh nhận thức chưa đúng. Cần xây dựng những chuyên đề tập trung vào giáo dục cho học sinh về XHTD trẻ em để đạt được hiệu quả trong giáo dục phòng chống XHTD.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thu Trang, Nhận thức của học sinh về XHTD trẻ em qua

mạng và một số giải pháp phòng ngừa (nghiên cứu trường hợp tại một số trường THCS thành phố Hà Nội), HNUJ JOURNAL OF SCIENCE, Social Sciences, 2020, Volume 65, Issue 5, pp. 187-196.

2. Bùi Thị Loan (2021), Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống, Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường ĐHSP Hà Nội 2.
3. Đỗ Tuyết Mai (2014), Tình hình xâm hại tình dục trẻ vị thành niên tỉnh Vĩnh Phúc qua giám định pháp y năm 2013 - 2014, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Y Hà Nội.
4. Kim Văn Mừng (2017), Nghiên cứu xâm hại tình dục trẻ vị thành niên tỉnh Vĩnh Phúc qua giám định pháp y từ năm 2012 đến năm 2016. Đề tài NCKH - CN cấp tỉnh năm 2017.
5. Nguyễn Hoàng Ngân, Lưu Liên Hương, Trịnh Khánh Linh, Đào Anh Sơn, Nguyễn Thị Thuý Hạnh (2020), Kiến thức, thái độ về xâm hại tình dục trẻ em của học sinh trường THCS Yên Hoà, Hà Nội năm 2018, tạp chí nghiên cứu y học, TCNCYH 129 (5)-2020.

## THỰC TRẠNG BẠO HÀNH DO CHỒNG Ở PHỤ NỮ MANG THAI TẠI QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Kiến Quốc<sup>1</sup>, Đoàn Thị Thùy Dương<sup>1</sup>,  
Nguyễn Đình Phương Thảo<sup>2</sup>

#### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng bạo hành do chồng ở phụ nữ mang thai tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng năm 2023. **Phương pháp:** thiết kế nghiên cứu cắt ngang, tổng số 342 bà mẹ có con nhỏ dưới 6 tháng tuổi được phỏng vấn bằng bộ câu hỏi tại các trạm y tế từ tháng 02- 04/2023. **Kết quả:** Tỷ lệ có bạo hành do chồng ở phụ nữ mang thai về thể chất là 20,8%; về tinh thần là 26,6%; về tình dục là 13,7%. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo hành theo một trong ba nội dung trên là 32,5%. **Kết luận:** Tỷ lệ bạo hành do chồng ở phụ nữ mang thai tại Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng năm 2023 khá cao. Do đó, cần xây dựng mạng lưới và có những can thiệp thích hợp nhằm hỗ trợ nâng cao sức khỏe thai phụ và trẻ sơ sinh.

**Từ khóa:** phụ nữ mang thai, bạo hành gia đình, Đà Nẵng.

#### SUMMARY

### THE REALITY OF VIOLENCE BY INTIMATE PARTNERS AMONG PREGNANT WOMEN IN LIEN CHIEU DISTRICT, DA NANG CITY

<sup>1</sup>Trường Đại học Y tế Công cộng

<sup>2</sup>Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Đình Phương Thảo

Email: ndpthao@dhktyduocdn.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.7.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.8.2023

Ngày duyệt bài: 12.9.2023

**Objective:** Describe prevalence of violence by intimate partners among pregnant women in Lien Chieu district, Da Nang city in 2023. **Methods:** a cross-sectional study which interviewed 342 mothers who had a child under 6 months old at health stations from February to April 2023. **Results:** The prevalence of being violated by husband among pregnant women was 20.8% of physical violence, 26.6% of mental abuse, and 13.7% of sexual violence. About 32.5% of women had at least one type of violence during pregnancy. **Conclusion:** The rate of husband violence among pregnant women in Lien Chieu, Da Nang city in 2023 was high. Therefore, there is a need for building support networks and designing appropriate interventions to improve the health of pregnant women and children. **Keywords:** pregnant women, domestic violence, Da Nang.

#### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bạo hành gia đình là một dạng thức của bạo lực xã hội, là "hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình" với các dạng hình thức chủ yếu như: Bạo hành thể chất, bạo hành tinh thần, bạo hành về kinh tế, bạo hành về tình dục. Bạo hành ở phụ nữ khi mang thai là một vấn đề sức khỏe nghiêm trọng với tâm lý và thể chất suy giảm [1]. Bị bạo hành khi mang thai sẽ dẫn đến nhiều nguy cơ đối với thai phụ và thai nhi như